

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các chương trình trọng điểm 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

Thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó đề ra 4 chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm, gồm: Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chương trình quy hoạch và phát triển đô thị. Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Chương trình đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử gắn với chuyển đổi số. UBND huyện ban hành Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 để triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó phân công nhiệm vụ và tập trung thực hiện 04 chương trình trọng điểm. Kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

A. Kết quả thực hiện Chương trình trọng điểm 6 tháng đầu năm 2023

I. Chương trình xây dựng NTM gắn với giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Chương trình xây dựng nông thôn mới

a) Huy động nguồn vốn và bố trí xây dựng công trình thiết yếu: Tổng nguồn lực đã huy động đầu tư 6 tháng đầu năm 2023 là 274,816 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước đã bố trí đầu tư là 124,816 tỷ đồng (*Ngân sách TW là 60,403 tỷ đồng; ngân sách tỉnh là 15,713 tỷ đồng, ngân sách huyện là 48,70 tỷ đồng*); vốn doanh nghiệp đầu tư là 30 tỷ đồng và nhân dân đầu tư phát triển kinh tế là 120 tỷ đồng.

b) Kết quả thực hiện các Bộ tiêu chí 6 tháng đầu năm 2023

- **Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới:** Đến nay đã đạt chuẩn 4/9 tiêu chí huyện nông thôn mới gồm: Quy hoạch; Thủy lợi và phòng, chống thiên tai; Điện; An ninh trật tự - Hành chính công. 5/9 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí Giao thông chưa đạt 1/4 chỉ tiêu; Tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục chưa đạt 2/4 chỉ tiêu; Tiêu chí Kinh tế chưa đạt 3/4 chỉ tiêu; Tiêu chí Môi trường chưa đạt 4/8 chỉ tiêu; Tiêu chí Chất lượng môi trường sống chưa đạt 1/5 chỉ tiêu.

- **Bộ tiêu chí xã nông thôn mới:** Có 01 đạt 19/19 tiêu chí (Hương Xuân); 03 xã đạt 17/19 tiêu chí (Hương Lộc, Hương Phú, Thượng Nhật); 01 xã đạt 16/19 (Thượng Long); 01 xã đạt 14/19 tiêu chí (Hương Sơn); 01 xã đạt 13/19 tiêu chí (Hương Hữu); 02 xã đạt 12/19 tiêu chí (Thượng Lộ, Thượng Quảng).

- **Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:** Xã Hương Xuân đạt 17/19 tiêu chí; xã Hương Lộc đạt 16/19 tiêu chí; xã Hương Phú đạt 16/19 tiêu chí.

- **Kết quả thực hiện xây dựng thôn NTM kiểu mẫu:** Xã Hương Xuân đạt chuẩn 2/4 tiêu chí; 2/4 tiêu chí chưa đạt.

- **Kết quả thực hiện xây dựng thị trấn Khe Tre đạt chuẩn đô thị văn minh:** Thị trấn Khe Tre đạt chuẩn 5/9 tiêu chí đô thị văn minh; còn 04 tiêu chí chưa đạt.

c) Đánh giá kết quả đạt được so với Kế hoạch năm 2023: (1) Xây dựng huyện đạt 9/9 tiêu chí huyện NTM: Chưa đạt; hiện nay đạt 4/9 tiêu chí. (2) Xây dựng 9/9 xã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí xã NTM: Chưa đạt. (3) Xây dựng xã Hương Phú đạt 16-17 tiêu chí xã NTM nâng cao: Đạt. (4) Xây dựng 01 xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu (xã Hương Xuân): Chưa đạt. (5) Xây dựng 1-2 thôn đạt chuẩn NTM mới kiểu mẫu: Chưa đạt.

d) Một số tồn tại, hạn chế đối với Chương trình NTM: Một số tiêu chí cấp huyện cần nhiều nguồn vốn, tuy nhiên đến nay chưa có nguồn vốn để thực hiện; việc huy động nguồn lực của nhân dân còn hạn chế; các nguồn hỗ trợ, đồng hành thực hiện chương trình xây dựng NTM của các công ty, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế còn ít. Một số hộ dân làm nhà trên đất nông nghiệp nhưng không chuyển đổi được sang đất ở nên khó thực hiện hỗ trợ xóa nhà tạm. Người dân chưa có thói quen sản xuất theo nhóm để liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản nên ngại tham gia vào các HTX. Hệ thống văn bản hướng dẫn chưa đồng bộ; một số tiêu chí chưa có hướng dẫn để thực hiện nên các địa phương còn lúng túng; chưa có văn bản quy định định mức hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn ngân sách (nguồn của Trung ương, tỉnh, huyện) nên chưa thể thực hiện được các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất. Chuẩn tiêu chí theo giai đoạn 2021 - 2025 được nâng lên nên một số tiêu chí của các xã tái không đạt; đặc biệt là các tiêu chí thuộc về trách nhiệm của người dân.

2. Chương trình giảm nghèo bền vững

a) Kết quả đạt được

- **Hỗ trợ về giáo dục:** Hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đã thực hiện chi trả cho 1.466 lượt đối tượng với tổng kinh phí là 1.098 triệu đồng.

- **Hỗ trợ xóa nhà tạm:** Với kinh phí của Quỹ “Vì người nghèo” huyện và các tổ chức, cá nhân đã hỗ trợ xây dựng mới 15 nhà ở với kinh phí 880 triệu đồng.

- **Chính sách hỗ trợ về y tế:** Đã cấp 5.820 thẻ BHYT, trong đó: Người nghèo 1.016 thẻ; người cận nghèo 186 thẻ; BTXH: 697 thẻ; người DTTS tại 02 xã ĐBK 3.921 thẻ (Thượng Long 1.892 thẻ, Hương Hữu 2.029 thẻ). Đã tổ chức khám chữa bệnh cho 2.945 lượt người nghèo, cận nghèo và dân tộc thiểu số với tổng kinh phí 513,26 triệu đồng. Hỗ trợ tiền ăn cho 41 lượt người nghèo đến khám chữa bệnh với kinh phí 14,66 triệu đồng.

- **Chính sách An sinh xã hội:** Chi trả trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng với 6.255 lượt đối tượng với tổng kinh phí hỗ trợ 3.553,16 triệu đồng; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo Quyết định số 28/QĐ-TTg cho 380 hộ với tổng số tiền 125,4 triệu đồng. Tiếp nhận và phân phối quà của Chủ tịch nước, tỉnh, huyện, các

Doanh nghiệp, nhà hảo tâm thực hiện hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, từ đầu năm đến nay có 5.859 xuất quà với tổng số tiền 2.478,97 triệu đồng.

- **Chính sách tín dụng ưu đãi:** Có 212 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn và đang dự nợ với tổng kinh phí 10.850 triệu đồng, trong đó: Tổng số hộ nghèo được vay vốn 23 hộ với tổng kinh phí 1.140 triệu đồng. Tổng số hộ được cận nghèo được vay vốn và đang dự nợ 36 hộ với tổng tổng kinh phí 1.690 triệu đồng. Tổng hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28 được vay vốn là 153 hộ với kinh phí 8.020 triệu đồng.

- **Công tác tuyên truyền nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở:** Tổ chức 04 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo cơ sở với 315 người tham gia.

- **Công tác rà soát hộ có khả năng thoát nghèo, thoát cận nghèo trong năm 2023:** Qua rà soát có 174 hộ nghèo có khả năng thoát nghèo và 65 hộ có khả năng thoát cận nghèo.

b) Một số tồn tại, hạn chế: Hiện nay, người nghèo đang được hưởng thụ nhiều chính sách hỗ trợ, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ trực tiếp (chính sách hỗ trợ y tế, chính sách hỗ trợ giáo dục, chính sách hỗ trợ về nhà ở...), dẫn đến tư tưởng, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, phong tục tập quán, chi tiêu và tích lũy trong các hộ dân chưa được tích cực đổi mới; chưa có định mức hỗ trợ tối đa cho 01 hộ hoặc một nhóm hộ theo từng dự án nên rất khó để triển khai thực hiện; chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho chương trình hỗ trợ đào tạo nghề cho giai đoạn 2021 – 2025; chính sách hỗ trợ đối với giáo viên hợp đồng ngoài huyện dạy nghề tại huyện hiện không có.

3. Kết quả đạt được chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

3.1. Kết quả đạt được

a) Thực hiện các chỉ tiêu: Thu nhập bình quân đầu người vùng đồng bào dân tộc thiểu số 44,5 triệu đồng: không đạt (KH 54,1 triệu đồng); Hỗ trợ giải quyết 74% số hộ khó khăn đang thiếu đất ở, đất sản xuất: đạt (KH 60%); Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước sạch 89,17%: chưa đạt (KH 95%); Sắp xếp, ổn định dân cư 30%: chưa đạt (KH 60%); Tỷ lệ huy động nhà trẻ 46,12%: đạt (KH: 43-45%), mẫu giáo 99,17%: đạt (KH trên 99%), tiểu học 100%: chưa đạt (KH trên 99,5%), THCS 98,05: đạt (KH trên 98%), Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 86,7%: chưa đạt (KH trên 90%); Tỷ lệ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn văn hóa 91,21%: đạt (KH 90%); Tỷ lệ hộ nghèo 10,14% giảm bình quân 6,67% của 06 xã vùng đồng bào DTTS so với cuối năm 2021: đạt (cuối năm 2021 tỷ lệ hộ nghèo tại vùng ĐBDTTS là 16,81, để đạt nhiệm vụ giao bình quân mỗi năm giảm 2,36); Tỷ lệ lao động qua đào tạo 58,78%: đạt (KH 45%), trong đó có văn bằng chứng chỉ 25,04%: chưa đạt (KH 35%); Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 39 người: chưa đạt (KH 90 người); Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia BHYT 95,3%: đạt (KH 90%); Tỷ lệ trẻ em người dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 8,7%: đạt (KH 11%); 100% cán bộ, công chức đạt chuẩn chức danh theo quy định có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm: đạt (KH 100%).

b) Thực hiện các nhiệm vụ: Vốn đầu tư phát triển: Nguồn vốn Trung ương năm 2022 được phép kéo dài thực hiện sang năm 2023 giải ngân được 7.075/14.115,2 triệu đồng (*Tổng số đã giải ngân vốn năm 2022 là 13.636/20.676 triệu đồng, đạt 66,0% kế hoạch*). Kế hoạch vốn năm 2023 bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ năm 2022, còn lại bố trí khởi công mới 02 dự án; ngân sách Trung ương là 25.189 triệu đồng, đến nay tỉnh đã giao là 18.046 triệu đồng (*Còn lại Dự án 1 - Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, chưa được giao vốn đầu tư do chưa hoàn thành thủ tục lập dự án*), giải ngân được 3.188/18.046 triệu đồng, đạt 17,7% kế hoạch; ngân sách tỉnh giải ngân được 851/3.942 triệu đồng, đạt 21,6% KH. Nguồn vốn sự nghiệp: Các hạng mục thuộc kế hoạch vốn năm 2022 giải ngân được 602/3.267 triệu đồng, đạt 18,4% kế hoạch. Kế hoạch vốn năm 2023 là 15.027 triệu đồng, đã giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện, giải ngân được 405/15.027 triệu đồng, đạt 2,7%KH.

3.2. Tồn tại, hạn chế: Tiêu chí lựa chọn các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; Chưa có hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung “Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Tiểu dự án Dự án 10; Chưa có hướng dẫn cụ thể về định mức chỉ tiêu một số nội dung, hoạt động trong các kế hoạch, hướng dẫn thực hiện Dự án 8; Chưa có quy định thực hiện việc ủy thác nguồn kinh phí sự nghiệp được giao để hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế cho các hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc Nội dung 2 Tiểu dự án 1 Dự án 9. Một số nội dung quy định, hướng dẫn tại một số văn bản do các Bộ, cơ quan Trung ương ban hành còn có sự chưa thống nhất. Chưa có quy định về mức hỗ trợ kinh phí tối đa cho đối tượng hưởng lợi (hộ gia đình; nhóm hộ; doanh nghiệp; các tổ chức kinh tế...) khi tham gia dự án. Năng lực quản lý dự án của các xã đồng bào dân tộc thiểu số cũng như các tổ chức kinh tế trên địa bàn huyện còn hạn chế nên khó tiếp nhận nguồn kinh phí để thực hiện dự án.

II. Chương trình chỉnh trang, phát triển đô thị

1. Kết quả đạt được

- **Quy hoạch và quản lý quy hoạch:** Tiếp tục lập các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, rà soát, lấy ý kiến tham gia các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã. Tổ chức Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng huyện hoàn thành thẩm định, lấy ý kiến Sở xây dựng và trình UBND huyện phê duyệt. Rà soát, báo cáo 3 năm thực hiện đồ án Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre đến năm 2030 theo Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh; cập nhật một số nội dung quy hoạch xây dựng vùng huyện vào đồ án quy hoạch chung thị trấn Khe Tre; đề xuất điều chỉnh quy hoạch một số nội dung quy hoạch chung thị trấn Khe Tre, làm các thủ tục lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan; trình cấp tỉnh thẩm định và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch trong tháng 6 năm 2023. Lập quy định quản lý quy hoạch chung thị trấn Khe Tre, Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Khe Tre, đang lấy ý kiến cộng đồng, một số cơ quan ban ngành, các tổ dân phố và trình cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt cuối tháng 6 năm 2023. Xin

chủ trương lập 6 quy hoạch phân khu du lịch trên địa bàn huyện gồm Quy hoạch xây dựng phân khu du lịch Đập tràn Hai nhất và hồ Tả Rinh, Quy hoạch xây dựng phân khu du lịch Hương Phú (gồm khu thác Phướng, thác Mơ, thác Trượt), Quy hoạch xây dựng phân khu du lịch Hương Lộc -Thượng Lộ (gồm hồ thủy điện Thượng Lộ, thác Ka Zan), Quy hoạch xây dựng phân khu du lịch hồ thủy điện Thượng Nhật, Quy hoạch xây dựng phân khu du lịch hồ Ka Tư, Quy hoạch xây dựng phân khu du lịch A Xăng. Đang lập nhiệm vụ các đồ án Quy hoạch xây dựng phân khu du lịch và hoàn thành 3 đồ án quy hoạch phân khu du lịch quan trọng trong năm 2023. Điều chỉnh quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Hương Phú đảm bảo hoạt động của Công ty viên nén và kêu gọi doanh nghiệp đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp.

- **Phát triển hạ tầng, chỉnh trang đô thị:** Tiếp tục đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình kè từ Trung tâm Y tế đến cầu Lê No, khối lượng thực hiện hoàn thành đến thời điểm báo cáo 45%, dự án Chỉnh trang cây xanh, vỉa hè khu trung tâm huyện, khối lượng thực hiện hoàn thành 35%; dự án nâng cấp mở rộng Đường Nguyễn Thế Lịch, khối lượng thực hiện hoàn thành 35%. Khảo sát triển khai dự án sửa chữa, nạo hệ thống thoát nước đô thị; sửa chữa đường; duy trì, nâng cao chất lượng hệ thống điện chiếu sáng, chăm sóc cây xanh đô thị. Vận động nhân dân làm mới, chỉnh trang nhà ở, vệ sinh môi trường...

- **Xây dựng đô thị văn minh:** Tổ chức rà soát các nội dung theo Bộ tiêu chí đô thị văn minh theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo thị trấn Khe Tre hoàn thiện thị trấn Khe Tre đạt chuẩn văn minh đô thị trong năm 2023. Xây dựng và triển khai kế hoạch công nhận 01 tuyến phố đạt chuẩn “Tuyến phố văn minh đô thị” theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh, trong năm 2023 gồm tuyến đường Trần Văn Quang. Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ 20 hộ gia đình và quản lý việc xây dựng theo giấy phép, không để xảy ra tình trạng xây dựng không phép. Quản lý khá tốt vỉa hè, tình trạng lấn chiếm vỉa hè không còn tồn tại. Rà soát biển báo giao thông, cấm các biển báo đậu đỗ ô tô đảm bảo theo quy định.

- **Duy trì chợ Khe Tre đạt chuẩn “chợ văn minh thương mại”:** Tập trung chỉ đạo đối với tiêu chí còn yếu, quản lý các gian hàng, thực hiện Nội quy quản lý chợ, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người quản lý và nhân viên quản lý chợ; tuyên truyền, hướng dẫn văn hóa bán hàng, giao tiếp văn minh; quản lý giá, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ duy trì chợ Khe Tre đạt “chợ văn minh thương mại”.

2. Tồn tại, hạn chế: Quy hoạch chi tiết khu dân cư ven sông Tả Trạch chưa thực hiện và Quy định quản lý quy hoạch chung thị trấn Khe Tre còn chậm do chờ kết quả phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Khe Tre.

III. Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

1. Đánh giá các chỉ tiêu

- **Giá trị sản xuất:** Tổng giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản trong 6 tháng là 184,693 tỷ đồng, đạt 27,0 %KH, giảm 5,7% so với cùng kỳ.

Trong đó: Giá trị sản xuất nông nghiệp là 119,008 tỷ đồng, đạt 30,13 % KH; Giá trị sản xuất lâm nghiệp là 57,589 tỷ đồng, đạt 20,97 % KH; Giá trị sản xuất thủy sản là 8,096 tỷ đồng, đạt 57,38% KH.

- **Các sản phẩm chủ lực:** Tổng sản lượng lương thực có hạt 2.640,4/4.450 tấn đạt 59,3%; Thu nhập từ vườn chưa đánh giá; cấp chứng nhận VietGap 10,2/18 ha, đạt 56,7% KH; Duy trì diện tích cây cao su 1.485/1.485 ha, đạt 100% KH; sản lượng mủ đông ước đạt 1.300/7.100 tấn đạt 18,3%KH; Phát triển đàn gia súc 4.755/5.450 con, đạt 87,24%KH (trong đó: Đàn bò 2.830/3.400 con đạt 83,23% KH; đàn trâu 1.925/2.050 con, đạt 93,9%KH); Phát triển đàn lợn được 13.700/26.600 con; đạt 51,5% KH; đàn lợn nái 1.270/1.360 tấn, đạt 93,4%KH; vận động được 01/6 hộ chăn nuôi lợn hữu cơ, đạt 16,7%KH; Phát triển đàn gia cầm được 208.390/360.000 con; đạt 57,9%KH; Nuôi cá nước ngọt được 65/65 ha; đạt 100%KH; nuôi lồng, bè được 300m³, đạt 100%KH; sản lượng nuôi trồng và đánh bắt được 102/275 tấn, đạt 37,1%KH; Khai thác rừng trồng và trồng lại rừng được 550/1.600 ha; đạt 34,4%KH; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 51.600/1.500 tấn gỗ nguyên liệu, đạt 34,4% KH; mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn được 62,9/200 ha, đạt 31,5% KH; dự kiến nửa cuối năm 2023 cấp chứng nhận FSC.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ: Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp là 184,693 tỷ đồng, đạt 27,01%KH, giảm 5,7% so với cùng kỳ năm trước; tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm là 1.537,1/2.145,2 ha, đạt 71,65% KH, tăng 22 ha so với cùng kỳ năm trước.

- **Sản xuất lương thực:** Tổng diện tích cây lương thực đã gieo trồng là 528/924 ha, đạt 57,2% KH (trong đó lúa 310/580 ha; ngô 218,5/344 ha); năng suất bình quân lúa nước vụ Đông Xuân đạt 56,28 tạ/ha, tăng 0,58 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng lương thực có hạt là 2.640/4.450 tấn, đạt 59,3 %KH (trong đó lúa 1.744,6 tấn; ngô 895,9 tấn).

- **Sản xuất các loại cây màu:** Cây sắn: đã trồng 460/500 ha, đạt 92 %KH, (sắn công nghiệp 450 ha); Khoai lang: đã trồng được 35,5/55 ha, đạt 66,98 % KH; Các loại cây có củ khác: đã trồng được 42,4/65 ha, đạt 65,2 % KH; Cây đậu các loại: đã trồng được 130/183 ha, đạt 71% KH; Rau các loại (gồm cả ớt): đã trồng được 214,5/292,2 ha, đạt 73,4% KH; Lạc: đã trồng được 12,5/15 ha; đạt 83,3% KH; Mía: đã trồng được 25,7/25 ha; đạt 102,8% KH; Cây làm thức ăn gia súc: đã trồng được 88/88 ha; đạt 100%KH. Đã hỗ trợ kinh phí thực hiện nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho 02 hộ làm nhà màng để trồng rau và hoa tại xã Hương Xuân với diện tích 2.301m² (kinh phí hỗ trợ 739.400.000 đồng); cấp chứng nhận VietGap cho 0,23ha rau tại xã Hương Phú; chỉ đạo 02 hộ trồng chè hữu cơ với diện tích 0,6 ha tại xã Hương xuân; xây dựng được 02 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm (01 mô hình sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGap liên kết với Công ty YesHue Eco tại xã Hương Phú và 01 mô hình sản xuất chè hữu cơ liên kết với Công ty cổ phần Tập đoàn Quế Lâm tại xã Hương Xuân).

- **Sản xuất cây ăn quả:** Đã khoanh vùng, định hướng vùng sản xuất tập trung của từng xã; hướng dẫn các xã tích hợp vùng sản xuất tập trung vào quy hoạch chung xây dựng xã; triển khai thực hiện các dự án đối với các sản phẩm

chủ lực của huyện như Dự án trồng Cam và cây ăn quả có múi; trồng chuối đặc sản; trồng dứa; hướng dẫn, chỉ đạo nông dân sản xuất cam theo tiêu chuẩn VietGap. Tổ chức phát động phong trào cải tạo vườn tạp tại xã Hương Hữu; đến nay đã có 3.715 hộ hưởng ứng phong trào chăm sóc, cải tạo, nâng cao giá trị kinh tế vườn; trong đó có 85 hộ trồng mới; 411 hộ cải tạo; 3.219 hộ chăm sóc.

- Cam và cây ăn quả có múi: Đã trồng mới thêm được 3,95 ha (trong đó: Cam 0,85 ha; bưởi da xanh 3,1 ha), thanh lý vườn cây già cỗi 3,95 ha. Tổng diện tích cam và cây ăn quả có múi đến nay là 263,9 ha (Cam 189 ha; Quýt và Bưởi các loại 74,74 ha); trong đó diện tích cho thu hoạch là 125 ha; đã chỉ đạo nông dân sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap được 16,7 ha; nâng diện tích được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap lên 47,8 ha (đã cấp chứng nhận VietGap được 31,1 ha; còn 16,7 ha dự kiến cấp giấy chứng nhận VietGAP trước tháng 9 năm 2023); toàn huyện có 5 hộ trồng Cam và cây ăn quả có múi đạt quy mô trang trại nhỏ. Cây Chuối: Tổng diện tích chuối của toàn huyện đến nay là 165 ha; giảm 22,7 ha so với năm 2022 (trong đó: chuyển sang trồng cau 16,4 ha; ổi 3,75 ha; các loại cây trồng khác 2,55 ha (mít, nhãn, dứa, sầu riêng, ...)); diện tích cho thu hoạch là 146,62 ha; giảm 18,9 ha so với năm 2022. Cây Dứa: Tổng diện tích dứa của toàn huyện là 97,5 ha; trong đó diện tích cho thu hoạch là 71,7 ha, tăng 14,2 ha so với năm 2022; chỉ đạo nhân dân sản xuất dứa theo tiêu chuẩn VietGAP và cấp chứng nhận được 10,2 ha/02 cơ sở sản xuất (tại xã Hương Phú 01 cơ sở và xã Hương Sơn 01 cơ sở). Cây Cau: Đã trồng mới được 20,35 ha; nâng tổng diện tích Cau của toàn huyện lên 175,95 ha; diện tích cho thu hoạch là 130 ha; tăng 17 ha so với năm 2022.

- **Cây cao su:** Tổng diện tích cao su hiện còn là 1.485 ha; phát động phong trào chăm sóc cây cao su theo đúng quy trình kỹ thuật để cây sinh trưởng phát triển tốt và cho năng suất mủ cao; hầu hết diện tích hiện có đã đưa vào khai thác; sản lượng khai thác ước đạt 1.300/7.100 tấn mủ đông, đạt 18,3% kế hoạch cả năm.

- **Chăn nuôi và thú y:** Tổng đàn bò đã nuôi đến nay là 2.830 con, giảm 123 con so với cùng kỳ năm trước; trong đó bò lai là 2.400 con. Tổng đàn lợn đã nuôi là 13.700 con, tăng 1.100 con so với cùng kỳ; đàn lợn nái hiện có 1.270 con (tăng 170 con). Tổng đàn dê đã nuôi là 205 con. Tổng đàn gia cầm đã nuôi là 208.390 con, tăng 11.390 con so với cùng kỳ; trong đó gà: 180.490 con, chiếm 86,6 % so tổng đàn gia cầm. Một số gia cầm khác như: đàn chim Cút 8.700 con; đàn chim Bồ câu 4.880 con. Nuôi cá nước ngọt: Diện tích thả nuôi 65/65 ha; đạt 100% KH; sản lượng khai thác và đánh bắt ước đạt 102/264 tấn (đánh bắt 25 tấn, nuôi trồng 77 tấn), đạt 38,6% kế hoạch; nuôi cá lồng bè được 300 m³.

* *Công tác thú y:* Các loại dịch bệnh nguy hiểm như: dịch Tả Lợn Châu Phi; bệnh LMLM; tai xanh lợn không xảy ra; đã tiêm phòng Vaccine tụ huyết trùng trâu bò được 960/2.900 liều đạt tỷ lệ 33,1%; Vaccine tam liên lợn được 2.471/4.000 liều đạt tỷ lệ 61,8%; Vaccine Đại chó được 1.460/2.400 liều, đạt 60,8%.

- **Lĩnh vực lâm nghiệp:** Đã khai thác và trồng lại được 550 ha rừng, giảm 270 ha so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác đạt 51.600 tấn gỗ nguyên liệu, đạt 34,4 % KH, giảm 18.400 tấn so với cùng kỳ năm trước; nguyên

nhân diện tích khai thác, trồng lại thấp hơn so với cùng kỳ năm trước là do giá keo từ đầu năm đến nay liên tục giảm (từ 1,5 triệu đồng/tấn xuống còn 0,9 triệu đồng/tấn) vì vậy hiện nay nhân dân đang tạm dừng khai thác; phối hợp với Hội chủ rừng tỉnh Thừa Thiên Huế chuyển hóa được 62,9/200 ha rừng trồng gỗ lớn, đạt 31,5%.

3. Một số tồn tại hạn chế: Người dân chưa có thói quen sản xuất theo nhóm; sản xuất chưa tuân thủ theo một quy trình cụ thể; sản phẩm không đồng đều về mẫu mã và chất lượng nên khó khăn trong việc liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản; ngại tham gia vào các HTX. Năng lực quản lý, tổ chức sản xuất của các HTX còn rất hạn chế chưa chủ động trong việc tổ chức sản xuất và tìm kiếm thị trường nên việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia gặp khó khăn; các cơ sở chế biến và bảo quản nông sản sau thu hoạch chậm phát triển. Nhận thức của người dân còn hạn chế, tập quán canh tác cũ khó thay đổi, chưa có thói quen tái đầu tư để phát triển sản xuất; đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số nên việc tiếp cận và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn khó khăn. Hệ thống văn bản hướng dẫn chưa đồng bộ; một số văn bản quy định định mức hỗ trợ cho người dân chưa được ban hành nên khó khăn trong việc thực hiện các mô hình phát triển sản xuất.

IV. Chương trình đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử gắn với chuyển đổi số

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

- **Về cải cách thể chế:** 100% cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của HĐND, UBND đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, thời hạn theo đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: đạt. 100% VBQPPL do HĐND, UBND huyện ban hành, VBQPPL của HĐND, UBND các xã, thị trấn ban hành được rà soát, nhằm bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp, kịp thời, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật: đạt.

- **Về cải cách thủ tục hành chính:** Tối thiểu 90% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử: đạt (100%). Tối thiểu 90% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến: đạt (100%). 100% Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền được công bố kịp thời: đạt. 100% TTHC được chuẩn hóa và cập nhật công khai đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; được tích hợp, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công của tỉnh để đảm bảo thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng: đạt. 100% TTHC của huyện có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 trở lên (trừ các TTHC đặc thù). Tiếp tục duy trì, tối thiểu có 20% TTHC được tiếp nhận và giải quyết theo phương châm “4 tại chỗ” tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: đạt. 100% TTHC của huyện có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 trở lên (trừ một số TTHC đặc thù); 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được cơ quan hành chính nhà nước cung cấp và tích hợp công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên cơ sở Quyết định phê duyệt của

UBND tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50% trên tổng số hồ sơ TTHC mức độ 3 và 4: đạt. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%; trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%: đạt. 95% phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính hoặc hành vi hành chính của cá nhân, tổ chức được xử lý dứt điểm; 100% phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận và xử lý, được giao xử lý và kiến nghị xử lý kịp thời, đảm bảo đúng quy định và quy trình tại các cấp chính quyền: đạt. 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ: đang thực hiện.

- **Cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước:** Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức lại cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. Đã có văn bản trình tỉnh xem xét cho chủ trương sáp nhập Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Nam Đông (Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện). Thực hiện phân bổ biên chế công chức, viên chức năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị.

- **Cải cách chế độ công vụ:** Tiếp nhận và bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo đối với 08 trường hợp; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo đối với 02 trường hợp; phê chuẩn kết quả bầu cử bổ sung chức vụ Chủ tịch UBND xã Thượng Nhật, Thượng Long, Hương Hữu; Phó Chủ tịch UBND xã Hương Phú nhiệm kỳ 2021-2026.

- **Cải cách tài chính công:** Thực hiện đầy đủ các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí của các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định; ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

- **Về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số:** 100% hoạt động quản lý nhà nước các cơ quan từ cấp huyện đến cấp xã sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và liên thông với Quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước (Ngoại trừ các văn bản Mật theo quy định): đạt. 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ huyện đến cấp xã: Đang thực hiện. 85% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên môi trường mạng: đạt. 80% tiêu chí đánh giá xếp loại cơ quan nhà nước, công chức, viên chức dựa trên dữ liệu số được tổng hợp từ các hệ thống thông tin chính quyền điện tử: Đang thực hiện. 100% địa bàn hành chính được kéo cáp quang internet: đạt. 100% phủ sóng mạng 4G/5G: đạt. 60% hộ gia đình trên toàn huyện được phủ cập internet: đạt. 100% người dân đảm bảo điều kiện được phủ cập điện thoại thông minh smartphone: đạt. 50% người dùng điện thoại thông minh smartphone: Tham gia vào hoạt động thanh toán điện tử: đạt. 90% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh: đạt. 70% doanh nghiệp cung cấp

dịch vụ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng: đạt. 80% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến: đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. 100% các cơ quan hành chính từ cấp huyện đến cấp xã thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; tiến tới ứng dụng CNTT, quản lý chất lượng theo hệ thống ISO điện tử: đạt, nhưng chưa triển khai ISO điện tử.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số

- **Phát triển chính quyền số:** Đã lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các vị trí quan trọng nhằm nâng cao chất lượng an ninh trật tự trên địa bàn; giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; hỗ trợ quản lý giao thông, giảm thiểu tai nạn và ùn tắc giao thông; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác bảo vệ an ninh trật tự (một số đơn vị cấp xã đã chủ động triển khai lắp đặt như: Khe Tre, Hương Lộc. Việc triển khai Chính quyền số trên nền tảng Hue-S đang dần hoàn thiện và đưa vào áp dụng.

- **Phát triển xã hội số:** Tỷ lệ cài đặt Hue-S của công dân thực hiện tốt nhưng vẫn chưa đảm bảo 100% vì một số người dân chưa có điện thoại thông minh. Với việc triển khai Hue-S đến toàn bộ người dân thì các lợi ích, dịch vụ thông minh sẽ được triển khai trên diện rộng, người hưởng lợi nhất chính là người dân là chủ thể trong quá trình chuyển đổi số. Đội ngũ giáo viên đã cập nhật điểm học sinh lên các nền tảng số và các phụ huynh có thể truy cập để xem điểm của con em mình thông qua phần mềm Hue-S rất tiện lợi, nhanh chóng. Tuyên truyền sâu rộng trên toàn huyện để cán bộ, công nhân viên chức và người dân biết về phần mềm ứng dụng khám chữa bệnh từ xa “Bác sĩ cho mọi nhà”. Tổ chức tập huấn sử dụng ứng dụng phần mềm “Bác sĩ cho mọi nhà” cho các ban ngành cấp xã để triển khai cài đặt cho người dân. Tổ chức mạng lưới khám chữa bệnh từ xa bằng phần mềm “Bác sĩ cho mọi nhà”; duy trì hội chẩn khám, chữa bệnh từ xa giữa các Trạm y tế xã, thị trấn với Trung tâm Y tế huyện bảo đảm việc hoạt động khám, chữa bệnh từ xa theo đúng quy định, hướng dẫn và triển khai thực hiện có hiệu quả.

- **Phát triển kinh tế số:** Việc thanh toán không dùng tiền mặt đang được áp dụng rộng rãi và ngày càng phổ biến; việc thanh toán bằng tiền mặt thường được ưa chuộng hơn vì nó đơn giản và dễ dàng để thực hiện. Sản phẩm OCOP là một chương trình quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Với sự phát triển của nền kinh tế và sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp và nông nghiệp, dịch vụ logistics đang được quan tâm và phát triển hơn. Các công ty vận tải đã thành lập và vận hành tại huyện phát triển ổn định như: Giao hàng tiết kiệm, dịch vụ giao hàng của Bưu điện.

- **An toàn thông tin mạng:** 100% các đơn vị, địa phương cài đặt phần mềm diệt virus tập trung BKAV Endpoint và phần mềm phòng chống tấn công mạng có chủ đích Viettel Endpoint (một số máy đã cài đặt nhưng chưa kích hoạt bản quyền nên hệ thống chưa ghi nhận). Hệ điều hành máy tính và các phần mềm sử dụng đa phần là không có bản quyền nên khi cài vào thì các mã độc bị xóa làm cho phần mềm không sử dụng được; đã phối hợp với Phòng An ninh

mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Công an tỉnh xử lý máy tính nhiễm mã độc.

3. Tồn tại, hạn chế: Việc giám sát cài Hue-S và một số phần mềm còn khó khăn vì không có hệ thống giám sát, quản trị. Các phần mềm nhiều, chưa đồng bộ với nhau, sử dụng nhiều tài khoản và mật khẩu gây khó khăn cho người sử dụng. Công tác chuyển đổi số trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân vẫn còn những hạn chế nhất định; công tác chuyển đổi số trên các ngành, các lĩnh vực vẫn còn chậm. Cán bộ phụ trách Công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin phòng ban cấp huyện và cấp xã chủ yếu kiêm nhiệm, chưa có đào tạo chuyên môn về công nghệ thông tin và phụ trách kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực do đó thời gian nghiên cứu tham mưu ít nên chất lượng còn thấp. Tổ công nghệ số cộng đồng đã thành lập nhưng chất lượng chưa cao, cán bộ chủ yếu kiêm nhiệm, lớn tuổi và hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin. Các Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn không có phương tiện máy móc để xử lý công việc gây ảnh hưởng không nhỏ đến người dân. Hệ thống dịch vụ công vẫn còn lỗi, việc sử dụng Căn cước công dân thay cho Chứng minh dân chưa đồng bộ trong tài khoản cá nhân của người dân. Hệ thống giám sát Camera trên địa bàn huyện chưa kết nối đồng bộ với nhau, còn rời rạc và cần định hướng để kết nối vào hệ thống giám sát của Trung tâm giám sát và điều hành đô thị thông minh tỉnh nhằm mục đích tạo ra hệ thống thông minh kết nối xuyên suốt từ tỉnh đến xã.

B. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện các Chương trình trọng điểm 6 tháng cuối năm 2023

I. Chương trình xây dựng NTM gắn với giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

1. Chương trình xây dựng nông thôn mới

1.1. Chỉ tiêu: Xây dựng huyện đạt 9/9 tiêu chí huyện NTM; tập trung thực hiện hoàn thành các tiêu chí: Giao thông; Kinh tế; Y tế - Văn hóa - Giáo dục; Môi trường; Chất lượng môi trường sống. Xây dựng 9/9 xã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí xã NTM. Xây dựng xã Hương Phú đạt 16-17 tiêu chí xã NTM nâng cao. Xây dựng 01 xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu (Hương Xuân). Xây dựng 1-2 thôn đạt chuẩn NTM mới kiểu mẫu.

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Đối với các tiêu chí cấp xã: Chỉ đạo đảng ủy, UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện một cách quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt; rà soát các tiêu chí chưa đạt; xác định rõ nguyên nhân; đưa ra giải pháp cụ thể, rõ ràng, có lộ trình và thời gian hoàn thành; phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian hoàn thành; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

- Đối với tiêu chí “Thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh”: Tổ chức ký cam kết với người dân hai bên các tuyến đường về thực hiện tốt các tiêu chí đánh giá tuyến phố văn minh đô thị; triển khai cắm biển trên các tuyến phố đã được công nhận tuyến phố văn minh đô thị năm 2022 để tuyên truyền về xây dựng tuyến phố văn minh đô thị năm 2023. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi

phạm về trật tự đô thị; tập trung kiểm tra xử lý các trường hợp lấn chiếm vỉa hè, lòng đường để kinh doanh buôn bán, dừng đỗ xe không đúng quy định. Tổ chức phát động phong trào thi đua xây dựng tuyến đường “xanh - sạch - sáng - an toàn” gắn với xây dựng đô thị văn minh giai đoạn 2023 - 2025. Tổ chức ký cam kết với các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các nhà hàng; cơ sở giáo dục có tổ chức bếp ăn bán trú, không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm. Phối hợp với các nhà mạng tiến hành rà soát, thống kê chi tiết hộ gia đình có thiết bị nghe nhìn thông minh, có thuê bao Internet, sử dụng điện thoại thông minh; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện.

- Đối với các tiêu chí cấp huyện: Tập trung lồng ghép các nguồn lực; phân bổ nguồn vốn hợp lý; kêu gọi đầu tư vào địa bàn huyện; tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm sau: Trồng cây xanh dọc tuyến đường huyện từ 12,5km trở lên; cụ thể các tuyến gồm: Tuyến đường Khe Tre - Phú Mậu dài khoảng 2,8 km; tuyến đường 14C vào Hương Lộc dài khoảng 2,2km; tuyến đường Khe Tre - Thượng Lộ dài khoảng 1,5km; tuyến đường từ cây xăng Ai Nguyên đến nhà ông Ngân (thôn 11, Hương Xuân) dài khoảng 2,7km; tuyến đường từ Km0 - Hương Sơn dài khoảng 2,5km; tuyến đường Đập tràn - Đá Bảo Nhân dài khoảng 1km. Đầu tư hạ tầng giao thông; san lấp mặt bằng, hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước, cấp nước, cấp điện tại cụm công nghiệp Hương Hòa, cụm công nghiệp Hương Phú. Sắp xếp lại các gian hàng động vật sống tại Chợ Khe Tre; cụ thể như sau: Nâng cấp nền bằng bê tông có lát gạch, sửa chữa nâng cấp hệ thống mái tôn và xà gồ mạ kẽm với diện tích khoảng 400m²; nâng cấp, sửa chữa hệ thống nền và mái che bên phải Chợ với diện tích khoảng 500m² (phía bờ sông). Đôn đốc, thúc đẩy các xã hoàn thành quy hoạch chung xây dựng xã; chỉ đạo các xã thực hiện phát triển các vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã theo quy hoạch được duyệt. Đầu tư xây dựng lò đốt rác thải; xây dựng công trình và các hạng mục hỗ trợ thực hiện xử lý nước thải sinh hoạt tại Chợ Nam Đông, xã Hương Xuân. Tổ chức ký cam kết với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh.

2. Chương trình giảm nghèo bền vững

2.1. Chỉ tiêu: Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 5,2% (Trong đó: Hộ nghèo giảm còn dưới 3,2%, hộ cận nghèo giảm còn dưới 2%); Trên 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội; 100% người nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại xã, thôn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế; vận động 100% hộ cận nghèo tham gia mua BHYT sau khi được ngân sách Nhà nước và ngân sách tỉnh hỗ trợ để giảm chi phí thiếu hụt dịch vụ về y tế; 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên các đối tượng chính sách... được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, thực hiện đồng bộ các chính sách khác về giáo dục đào tạo theo quy định để giảm nhanh chiều thiếu hụt về

giáo dục; Trên 90% hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý miễn phí tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước để vươn lên thoát nghèo; Hỗ trợ dạy nghề từ 550 lao động trở lên, đảm bảo 100% lao động có nhu cầu học nghề được đào tạo nghề đặc biệt là lao động thuộc hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số có nhu cầu học nghề.

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục kiểm tra, rà soát thống kê, đánh giá phân loại nguyên nhân nghèo, cận nghèo và 12 chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản chi tiết đến từng hộ và chú trọng đến hộ, đặc biệt là các hộ có khả năng thoát nghèo thoát cận nghèo để hỗ trợ đến từng hộ từ nguồn lực của Chương trình giảm nghèo bền vững cho các hộ nghèo, cận nghèo đúng địa chỉ có nhu cầu thật sự về lao động, sản xuất, chăn nuôi theo mô hình sinh kế (cây, con, ngành nghề, dịch vụ); rà soát, thống kê nguyện vọng về việc làm, đồng thời phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh và các Doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động tạo việc làm;

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nhằm thay đổi và chuyển biến về nhận thức biết tiết kiệm, biết tích lũy trong chi tiêu...; tư vấn đến các hộ nghèo tự vươn lên của bản thân mình và gia đình không dựa dẫm vào người khác, không trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; từng xã phân công cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phụ trách theo dõi, tuyên truyền đến từng hộ nghèo, cận nghèo, quan tâm 02 xã Thượng Long và Hương Hữu. Ưu tiên phát triển các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn tại doanh nghiệp; mở các lớp tư vấn, hướng nghiệp để định hướng cho lao động lựa chọn nghề phù hợp, giáo dục về ý thức, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp và pháp luật lao động nhằm đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

3. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

3.1. Chỉ tiêu: Thu nhập bình quân đầu người vùng đồng bào dân tộc thiểu số 54,1 triệu đồng; Hỗ trợ giải quyết 60% số hộ khó khăn đang thiếu đất ở, đất sản xuất; Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước sạch 95%; Sắp xếp, ổn định dân cư 60%; Tỷ lệ huy động nhà trẻ 43-45%, mẫu giáo trên 99%, tiểu học: trên 99,5%, THCS trên 98%, Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên 90%; Tỷ lệ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn văn hóa 90%; Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số 10%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo 45%, trong đó có văn bằng chứng chỉ 35%; Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 90 người; Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia BHYT 90%; Tỷ lệ trẻ em người dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 11%; 100% cán bộ, công chức đạt chuẩn chức danh theo quy định có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm.

3.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương triển khai thực hiện Dự án 1, hỗ trợ 50 hộ nghèo đủ điều kiện thực hiện nhà ở theo Quyết định số 1719 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 171 hộ; 183 hộ chuyển đổi nghề nếu không có hoặc thiếu đất sản xuất...hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã ĐBK, thôn

ĐBKK chưa có đất ở, nhà ở hoặc có nhà ở tạm, đột nát cơ bản được hỗ trợ đất ở, xây dựng nhà ở bảo đảm 3 cứng.

- Thực hiện quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí ổn định dân cư 146 hộ dân thuộc hai điểm định canh định cư Thượng Long, Hương Hữu như hỗ trợ nhà ở hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư; đầu tư hạ tầng thiết yếu, thực hiện các chính sách hỗ trợ đất ở cho các hộ chưa có hoặc thiếu đất ở. Đảm bảo nơi ở mới có chất lượng, ổn định lâu dài.

- Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; Hỗ trợ, trợ cấp để khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao khoán; nhận khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ các nhóm đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại 6 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như Quế Hôi: 40 ha, cây Vầu: 10 ha, trồng được liệu quý 05 ha dưới tán rừng.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS&MN tại xã ĐBKK, thôn ĐBKK, tập trung đầu tư các công trình như đường đến trung tâm sản xuất nông lâm nghiệp, đường dân sinh đảm bảo đi lại và vận chuyển hàng hóa thuận lợi. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương giải ngân 100% kế hoạch vốn ngân sách nhà nước được giao (bao gồm cả dự toán năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân đến 31/12/2023 và dự toán năm 2023) trong năm 2023.

II. Chương trình quy hoạch và phát triển đô thị

1. Chỉ tiêu: Hoàn thành điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung, Quy định quản lý quy hoạch, Quy chế quản lý kiến trúc và cấm mốc Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre; Hoàn thành các quy hoạch phân khu du lịch, đô thị, Cụm công nghiệp theo danh mục được phê duyệt; Hoàn thành công bố quy hoạch chung xây dựng xã, Quy định quản lý cấm mốc quy hoạch chung xây dựng xã; Hoàn thành 100% quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn theo danh mục được phê duyệt; xây dựng thị trấn Khe Tre đạt 50/52 nội dung theo Phụ lục I - Quyết định 04/2022/QĐ - TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh; Xây dựng 1 đến 2 tuyến đường đạt chuẩn “Văn minh đô thị”; 100 % công trình hạ tầng đô thị thi công hoàn thành theo kế hoạch.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

- **Quy hoạch và quản lý quy hoạch:** Hoàn thành, công bố điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Khe Tre, Quy hoạch phân khu các khu du lịch, Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Khe Tre, quy định quản lý quy hoạch chung thị trấn Khe Tre, đóng mốc quy hoạch chung thị trấn. Công bố quy hoạch chung xây dựng xã, quy định quản lý quy hoạch. Tiếp tục thực hiện hoàn thành 3 đề án quy hoạch xây dựng phân khu du lịch theo kế hoạch phục vụ kêu gọi đầu tư các dự án du lịch. Số hóa các đề án quy hoạch và chuyển vào hệ thống GIS của Tỉnh.

- **Phát triển hạ tầng, chỉnh trang đô thị:** Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng công trình kè chống sạt lở Trung tâm Y tế đến cầu Lê No. Triển khai xây dựng các công trình đã phê duyệt đầu tư mới năm 2023 như

Dự án chỉnh trang cây xanh, vỉa hè các tuyến đường trung tâm huyện, hệ thống thoát nước tổ dân phố 1 và các dự án hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị được phê duyệt năm 2023. Xây dựng các dự án hạ tầng các năm tiếp theo, kêu gọi đầu tư các dự án đô thị theo quy hoạch.

- **Nâng cao chất lượng dịch vụ công ích:** Nâng cao chất lượng hệ thống điện chiếu sáng, thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng, nâng cao chất lượng cấp nước sinh hoạt, đảm bảo an toàn điện. Tăng cường giám sát, quản lý chăm sóc cây xanh đảm bảo chất lượng, đúng kỹ thuật. Thực hiện chiếu sáng các ngõ phố.

- **Xây dựng đô thị văn minh:** Xây dựng tuyến đường Trần Văn Quang đạt chuẩn tuyến phố văn minh. Quản lý trật tự đô thị, trật tự xây dựng, bổ sung biển báo giao thông, sơn vạch kẻ đường, xây dựng các tuyến đường hoa, chăm sóc cây xanh, thực hiện phong trào “chủ nhật xanh” có hiệu quả. Rà soát, tăng cường chỉ đạo các tiêu chí, nội dung chưa đạt; tập trung chỉ đạo các nội dung còn yếu. Lập hồ sơ đề nghị công nhận đô thị đạt chuẩn “đô thị văn minh”.

- **Xây dựng và duy trì chợ Khe Tre đạt chuẩn “An toàn thực phẩm” và “Văn minh thương mại”:** Rà soát các tiêu chí, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện. Chú trọng sắp xếp có mặt bằng cho nhân dân mua bán nông sản, vị trí bán gia cầm sống cách ly với các gia hàng thực phẩm, các gian hàng ăn đảm bảo vệ sinh. Đảm bảo trật tự, an toàn cháy nổ; tiếp tục tuyên truyền văn hóa bán hàng, quản lý giá cả, an toàn thực phẩm.

III. Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

1. Chỉ tiêu: Tổng giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản đạt 683,69 tỷ đồng, trong đó: Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 395,022 tỷ đồng; Giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 274,559 tỷ đồng; Giá trị sản xuất thủy sản đạt 14,109 tỷ đồng. Giá trị thu nhập/ha canh tác đạt 61 triệu đồng. Tổng sản lượng lương thực có hạt 4.450 tấn. Thu nhập từ vườn là 53,5 triệu/ha; cấp chứng nhận VietGap 18 ha. Duy trì diện tích cao su có chất lượng 1.485 ha; sản lượng mủ đông ước đạt 7.100 tấn. Tổng đàn gia súc là 5.450 con (Trong đó: Bò 3.400 con; Trâu 2.050 con). Tổng đàn lợn là 26.600 con (Trong đó đàn lợn nái là 1.360 con); vận động 6 hộ chăn nuôi lợn hữu cơ có liên với Tập đoàn Quế Lâm. Tổng đàn gia cầm là 360.000 con (Trong đó: Đàn Gà 325.000 con). Diện tích nuôi cá nước ngọt là 65 ha, nuôi lồng bè là 300 m³; sản lượng nuôi trồng và đánh bắt ước đạt 275 tấn. Khai thác và trồng lại rừng được 1.500 - 1.600 ha; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 150 ngàn tấn gỗ nguyên liệu. Mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn (trồng mới và chuyển hóa từ rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn) 200 ha; cấp chứng chỉ FSC 100 ha.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng thực chất; hiệu quả; khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương tạo vùng nguyên liệu cho Đề án phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện; phát triển nông nghiệp theo hướng chuyên canh hàng hóa tập trung, quy mô, đảm bảo an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến; liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ; thích ứng với

biến đổi khí hậu; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn; chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cấp xã đối với nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ được phân công. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phong trào thi đua, khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao nhận thức của nhân dân đối với chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất các sản phẩm chủ lực có lợi thế của địa phương, nâng cao giá trị sử dụng đất, liên kết giữa hộ gia đình với hợp tác xã và doanh nghiệp, áp dụng qui trình sản xuất nông nghiệp tốt, đầu tư thâm canh đúng kỹ thuật, quản lý chất lượng các sản phẩm nông sản, bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, định hướng các vùng sản xuất tập trung đối với các sản phẩm chủ lực gắn liền với rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch để sản xuất nông nghiệp qui mô lớn; tập trung chỉ đạo phát triển dự án cam, chuối, dưa; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến; chú trọng ứng dụng kỹ thuật canh tác hữu cơ, VietGap, sử dụng phân bón, chế phẩm sinh học; ứng dụng công nghệ nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới nước tiết kiệm. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng nông sản; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, các hộ có tiềm năng đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, tiêu chuẩn VietGap để cấp chứng nhận; hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, bao bì sản phẩm đối với một số nông đặc sản.

- Thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển mạng lưới cửa hàng tiêu thụ nông đặc sản Nam Đông ở trong và ngoài tỉnh. Hướng dẫn thực hiện liên kết giữa cửa hàng tiêu thụ nông đặc sản với các hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, hộ gia đình trong sản xuất và tiêu thụ. Tranh thủ cơ hội các chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp để đẩy mạnh hỗ trợ phát triển nông nghiệp; xây dựng, hoàn chỉnh các dự án chuỗi giá trị để tranh thủ nguồn vốn phát triển sản xuất sử dụng vốn vay ưu đãi đúng mục đích và phát huy hiệu quả.

IV. Chương trình cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số

1. Các chỉ tiêu

- **Về cải cách thể chế:** 100% cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của HĐND, UBND đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, thời hạn theo đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Phân đấu 100% VBQPPL do HĐND, UBND huyện ban hành, VBQPPL của HĐND, UBND các xã, thị trấn ban hành được rà soát, nhằm bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp, kịp thời, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- **Về cải cách thủ tục hành chính:** Tối thiểu 90% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử. Tối thiểu

90% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến. 100% Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn huyện được công bố kịp thời. 100% TTHC được chuẩn hóa và cập nhật công khai đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; được tích hợp, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công của tỉnh để đảm bảo thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng. 100% TTHC của huyện có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 trở lên. Tiếp tục duy trì, tối thiểu có 20% TTHC được tiếp nhận và giải quyết theo phương châm “4 tại chỗ” tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. 100% TTHC của huyện có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 trở lên; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được cơ quan hành chính nhà nước cung cấp và tích hợp công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên cơ sở Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50% trên tổng số hồ sơ TTHC mức độ 3 và 4. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%; trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%. 95% phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính hoặc hành vi hành chính của cá nhân, tổ chức được xử lý dứt điểm; 100% phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận và xử lý, được giao xử lý và kiến nghị xử lý kịp thời, đảm bảo đúng quy định và quy trình tại các cấp chính quyền. 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- **Cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước:** 100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện được rà soát, sắp xếp lại tổ chức theo quy định khung của Chính phủ; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực và nhu cầu của thị trường, xã hội; thực hiện tinh giản biên chế; rà soát, sắp xếp lại số lượng cấp phó của các cơ quan, đơn vị phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và đảm bảo theo lộ trình quy định của Chính phủ tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020.

- **Cải cách chế độ công vụ:** Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. 100% cơ quan nhà nước bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo tiêu chuẩn chức danh vị trí việc làm khi được phê duyệt.

- **Cải cách tài chính công:** Thực hiện đầy đủ các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí của các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định; ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

- **Về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số:** 100% hoạt động quản lý nhà nước các cơ quan từ cấp huyện đến cấp xã sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và liên thông với Quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước (Ngoại trừ các văn bản Mật). 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác

thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ huyện đến cấp xã. 85% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên môi trường mạng. 80% tiêu chí đánh giá xếp loại cơ quan nhà nước, công chức, viên chức dựa trên dữ liệu số được tổng hợp từ các hệ thống thông tin chính quyền điện tử. 100% địa bàn hành chính được kéo cáp quang Internet. 100% phủ sóng mạng 4G/5G. 60% hộ gia đình trên toàn huyện được phổ cập internet. 100% người dân đảm bảo điều kiện được phổ cập điện thoại thông minh. 50% người dùng smartphone tham gia vào hoạt động thanh toán điện tử. 90% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh. 70% doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng. 80% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. 100% các cơ quan hành chính từ cấp huyện đến cấp xã thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; tiến tới ứng dụng CNTT, quản lý chất lượng theo hệ thống ISO điện tử.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo trong quá trình đẩy mạnh CCHC gắn với chuyển đổi số. Tiếp tục cải cách thể chế, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo yêu cầu hiện đại, hội nhập và có tính khả thi, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

- Triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính một cách quyết liệt, thực chất, hiệu quả hơn; trong đó, tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh và các quy định TTHC rườm rà, phức tạp, không cần thiết, trọng tâm là các TTHC đang gây trở ngại, kìm hãm hoạt động sản xuất, kinh doanh và các TTHC khác liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Thực hiện hiệu quả công tác cải cách bộ máy hành chính nhà nước

- Đẩy mạnh cải cách công vụ, thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức; thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tài chính công, đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách Nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thúc đẩy sự sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số: Đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành xã hội, thực thi công vụ theo hướng khuyến khích, sẵn sàng ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới trong quá trình chuyển đổi số. Đầu tư cơ sở hạ tầng, thực hiện có hiệu quả các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tham gia phát triển hạ tầng số, các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số.

- Chuyển đổi số để thúc đẩy hoàn thành các nội dung Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị: Ưu tiên chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của huyện. Phát triển nền tảng số, dữ liệu số, bảo đảm an toàn thông tin. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số. Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực chuyển đổi số. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trong chuyển đổi số.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình trọng điểm 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023./.

Nơi nhận:

- Thường vụ Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Các thành viên UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các ngành liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng